

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG YÊN NGHĨA**



Số: /ĐA-UBND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Yên Nghĩa, ngày tháng năm 2026

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG
YÊN NGHĨA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2026**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư.

Sau quá trình đô thị hóa, biến động dân cư, phát triển các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới và việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực cán bộ quản lý, đổi mới về tư duy, kỹ năng sử dụng công nghệ và sự chuyên nghiệp hóa trong xử lý, giải quyết công việc.

Theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 26/5/2026) và Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) thì tiêu chuẩn quy mô tổ dân phố tại thành phố Hà Nội phải có từ 700 hộ gia đình trở lên. Tuy nhiên, hiện nay đa số Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình và dân số còn nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và triển khai nhiệm vụ ở cơ sở; tổ chức bộ máy ở tổ dân phố còn phân tán; các thiết chế văn hóa đầu tư chưa đồng bộ, một số tổ dân phố chưa có nhà văn hóa, phòng họp dân; công tác quản lý và khai thác cơ sở vật chất chưa thực sự hiệu quả.

Từ những yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Yên Nghĩa là cần thiết và là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách và tất yếu. Đề án không chỉ góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của chính quyền địa phương, hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở mà còn bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng, phát huy tối đa quyền làm chủ và tính tự quản của Nhân dân trong thời kỳ mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
2. Luật Thủ đô năm 2026;
3. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

4. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

5. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

6. Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP;

7. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

9. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

10. Các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Nội vụ về sắp xếp thôn, tổ dân phố: Văn bản số 2341/UBND-NC ngày 27/5/2026 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 10/6/2026 ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội, ...

11. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn phường Yên Nghĩa.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Yên Nghĩa theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và năng lực chuyển đổi số ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của địa phương; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư. Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng.

Gắn sắp xếp tổ dân phố với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách đảm bảo đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp tổ dân phố được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế.

2. Phường Yên Nghĩa thực hiện việc đối chiếu tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên; trường hợp có yếu tố đặc thù thì rà soát, thuyết minh cụ thể theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Việc sắp xếp tổ dân phố là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính phường; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND phường.

4. Đảm bảo sáp nhập các tổ dân phố liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Tên gọi tổ dân phố sau sắp xếp bằng số thứ tự tăng dần tính từ hướng Bắc xuống hướng Nam, từ hướng Tây sang hướng Đông.

7. Đề án sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn phường phải lấy ý kiến Nhân dân tại tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔ DÂN PHỐ

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Thực hiện Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025. Phường Yên Nghĩa được hình thành trên cơ sở nhập phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của các phường: Yên Nghĩa, Đồng Mai (thuộc quận Hà Đông trước đây). Phường Yên Nghĩa nằm ở phía Tây Nam nội thành của Thủ đô Hà Nội, Phía Đông giáp phường Phú Lương; Phía Tây giáp xã Hưng Đạo, phường Chương Mỹ; Phía Nam giáp xã Bình Minh; Phía Bắc giáp xã An Khánh và phường Dương Nội.

Phường Yên Nghĩa có diện tích tự nhiên 13.38 km², dân số 63222 người, 18034 hộ gia đình được chia thành 38 tổ dân phố, có các khu vực dân cư phân bố tập trung, gắn liền

với quá trình hình thành và phát triển truyền thống lâu đời của địa phương xen với các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới.

Trên địa bàn phường có hệ thống giao thông tương đối thuận tiện, với các tuyến đường huyết mạch, trọng điểm đi qua và tiếp giáp phường bao gồm: Quốc Lộ 6A, đường Nguyễn Trác, đường Vành Đai 4, đường nội bộ phường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống Nhân dân. Các khu dân cư cũ và khu đô thị mới có vị trí địa lý liền kề, giao lưu kinh tế - văn hóa thường xuyên;

Địa phương có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa; có nhiều công trình tín ngưỡng, tôn giáo như đình, chùa, quán, nhà thờ, nhiều di tích lịch sử văn hóa và các lễ hội truyền thống được Nhân dân gìn giữ, phát huy. Các cộng đồng dân cư có sự tương đồng về phong tục, tập quán, tín ngưỡng và mối quan hệ gắn bó lâu đời, tạo nền tảng thuận lợi trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập Tổ dân phố.

Nhân dân trên địa bàn chủ yếu sinh sống bằng các ngành nghề sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp ở các khu vực lân cận. Đời sống kinh tế của Nhân dân cơ bản ổn định; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa luôn được duy trì và phát triển.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, hoạt động nề nếp. Công tác quản lý dân cư, quản lý đất đai, xây dựng đời sống văn hóa và thực hiện các phong trào thi đua yêu nước được triển khai đồng bộ tại các Tổ dân phố, nhà chung cư.

2. Hiện trạng số lượng, quy mô Tổ dân phố

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
1	Tổ dân phố 1	Tổ dân phố	564	1826	0.089	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
2	Tổ dân phố 2	Tổ dân phố	308	808	0.119	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
3	Tổ dân phố 3	Tổ dân phố	380	1223	0.067	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
4	Tổ dân phố 4	Tổ dân phố	396	1467	0.073	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
5	Tổ dân phố 5	Tổ dân phố	601	2101	0.088	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
6	Tổ dân phố 6	Tổ dân phố	510	1492	0.060	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
7	Tổ dân phố 7	Tổ dân phố	518	1782	0.187	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
8	Tổ dân phố 8	Tổ dân phố	502	1660	0.112	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
9	Tổ dân phố 9	Tổ dân phố	189	652	0.039	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
10	Tổ dân phố 10	Tổ dân phố	415	1559	0.090	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
11	Tổ dân phố 11	Tổ dân phố	513	1751	0.063	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
12	Tổ dân phố 12	Tổ dân phố	507	1747	0.062	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
13	Tổ dân phố 13	Tổ dân phố	553	2239	0.068	Dân cư truyền thống	Sắp xếp

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
14	Tổ dân phố 14	Tổ dân phố	768	3237	0.223	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
15	Tổ dân phố 15	Tổ dân phố	647	2531	0.113	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
16	Tổ dân phố 16	Tổ dân phố	523	1748	0.114	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
17	Tổ dân phố 17	Tổ dân phố	525	1660	0.767	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
18	Tổ dân phố 18	Tổ dân phố	1319	4221	0.022	Chung cư	Giữ nguyên
19	Tổ dân phố 19	Tổ dân phố	1624	5684	0.029	Chung cư	Giữ nguyên
20	Tổ dân phố 20	Tổ dân phố	655	2105	0.195	Khu đô thị	Sắp xếp
21	Tổ dân phố 21	Tổ dân phố	1279	4393	0.059	Chung cư	Sắp xếp
22	Tổ dân phố 22	Tổ dân phố	562	2126	0.233	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
23	Tổ dân phố 23	Tổ dân phố	562	2094	0.141	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
24	Tổ dân phố 24	Tổ dân phố	66	215	0.139	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
25	Tổ dân phố 25	Tổ dân phố	394	1345	0.120	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
26	Tổ dân phố 26	Tổ dân phố	540	1888	0.149	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
27	Tổ dân phố 27	Tổ dân phố	492	1516	0.155	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
28	Tổ dân phố 28	Tổ dân phố	187	678	0.156	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
29	Tổ dân phố 29	Tổ dân phố	249	906	0.038	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
30	Tổ dân phố 30	Tổ dân phố	288	1169	0.131	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
31	Tổ dân phố 31	Tổ dân phố	151	643	0.081	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
32	Tổ dân phố 32	Tổ dân phố	206	796	0.108	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
33	Tổ dân phố 33	Tổ dân phố	232	897	0.057	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
34	Tổ dân phố 34	Tổ dân phố	215	799	0.141	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
35	Tổ dân phố 35	Tổ dân phố	212	789	0.255	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
36	Tổ dân phố 36	Tổ dân phố	210	665	0.200	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
37	Tổ dân phố 37	Tổ dân phố	260	753	0.125	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
38	Tổ dân phố 38	Tổ dân phố	235	817	0.127	Dân cư truyền thống	Sắp xếp

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
1	Tổ dân phố 1	TDP	564	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
2	Tổ dân phố 2	TDP	308	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
3	Tổ dân phố 3	TDP	380	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
4	Tổ dân phố 4	TDP	396	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
5	Tổ dân phố 5	TDP	601	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
6	Tổ dân phố 6	TDP	510	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
7	Tổ dân phố 7	TDP	518	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
8	Tổ dân phố 8	TDP	502	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
9	Tổ dân phố 9	TDP	189	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
10	Tổ dân phố 10	TDP	415	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
11	Tổ dân phố 11	TDP	513	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
12	Tổ dân phố 12	TDP	507	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
13	Tổ dân phố 13	TDP	553	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
14	Tổ dân phố 14	TDP	768	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên/Đổi tên	Quy mô số hộ gia đình đạt
15	Tổ dân phố 15	TDP	647	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
16	Tổ dân phố 16	TDP	523	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
17	Tổ dân phố 17	TDP	525	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt

TT	Tên TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
18	Tổ dân phố 18	TDP	1319	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên/Đổi tên	Quy mô số hộ gia đình đạt
19	Tổ dân phố 19	TDP	1624	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên/Đổi tên	Quy mô số hộ gia đình đạt
20	Tổ dân phố 20	TDP	655	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
21	Tổ dân phố 21	TDP	1279	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Phù hợp với vị trí địa lý khu dân cư
22	Tổ dân phố 22	TDP	562	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
23	Tổ dân phố 23	TDP	562	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
24	Tổ dân phố 24	TDP	66	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
25	Tổ dân phố 25	TDP	394	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
26	Tổ dân phố 26	TDP	540	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
27	Tổ dân phố 27	TDP	492	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
28	Tổ dân phố 28	TDP	187	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
29	Tổ dân phố 29	TDP	249	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
30	Tổ dân phố 30	TDP	288	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
31	Tổ dân phố 31	TDP	151	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
32	Tổ dân phố 32	TDP	206	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
33	Tổ dân phố 33	TDP	232	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
34	Tổ dân phố 34	TDP	215	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt

TT	Tên TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
35	Tổ dân phố 35	TDP	212	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
36	Tổ dân phố 36	TDP	210	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
37	Tổ dân phố 37	TDP	260	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt
38	Tổ dân phố 38	TDP	235	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Quy mô số hộ gia đình chưa đạt

4. Hiện trạng trước và sau khi sắp xếp Tổ dân phố của hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

UBND phường Yên Nghĩa tiến hành rà soát số chi bộ, Ban công tác Mặt trận, chi hội phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên, tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và người hoạt động không chuyên trách tại từng tổ dân phố. Việc sắp xếp phải đồng thời có phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự sau sắp xếp, bảo đảm không bỏ trống địa bàn, không gián đoạn công tác lãnh đạo, quản lý, vận động Nhân dân ở cơ sở, cụ thể:

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm	Ghi chú
Tổ trưởng TDP	37	15	Giảm 22	Có 01 Tổ trưởng kiêm Bí thư Chi bộ
Bí thư chi bộ	38	15	Giảm 23	
Trưởng ban công tác Mặt trận	9	15	Tăng 6	Có 31 Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác mặt trận
Phó Tổ trưởng TDP	21	28	Tăng 7	
Chi Hội Phụ nữ	38	15	Giảm 23	
Chi Hội Người cao tuổi	38	15	Giảm 23	
Chi Hội Cựu chiến binh	38	15	Giảm 23	
Chi Đoàn thanh niên	38	15	Giảm 23	

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm	Ghi chú
Tổ bảo vệ ANTT tại cơ sở	38	15	Giảm 23	
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	35	15	Giảm 20	Có 03 tổ chưa có nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổng số tổ dân phố	38	15	Giảm 23
Số người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố	84	73	Giảm 11
Số chi bộ	38	15	Giảm 23
Số Ban công tác Mặt trận	38	15	Giảm 23

2. Phương án sáp nhập

2.1. Sáp nhập toàn bộ TDP 12, toàn bộ TDP 13 và một phần TDP 20 (Đất dịch vụ khu D + Khu biệt thự thuộc Khu đô thị Đô Nghĩa). Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 1

Nội dung	TDP 12	TDP 13	Đất dịch vụ khu D và Khu biệt thự TDP 20	Sau sáp nhập
Số hộ	507	553	270	1330
Dân số	1747	2239	965	4951
Diện tích (km ²)	0.068	0.223	0.078	0.369
Số đảng viên	26	40	17	83
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	5

2.2. Sáp nhập toàn bộ TDP 10, toàn bộ TDP 11 và một phần TDP 20 (Khu liên kề thuộc Khu đô thị Đô Nghĩa). Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 2

Nội dung	TDP 10	TDP 11	Khu liên kề TDP 20	Sau sáp nhập
Số hộ	415	513	285	1213
Dân số	1559	1751	1140	4450
Diện tích (km ²)	0.090	0.063	0.112	0.265
Số đảng viên	30	23	30	83
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	2	1	5

2.3. Sáp nhập toàn bộ Tổ dân phố 18 và 1 phần Tổ dân phố 7 (Gồm các lôc thuộc Khu đất dịch vụ Hòa Bình (Khu C): DV29, DV31, DV34, DV38, DV39, CL28, 30, 31, 32, 33, Nhà văn hóa Khu đất dịch vụ Hòa Bình). Tên gọi của Tổ dân phố sau sắp xếp: Tổ dân phố 4

Nội dung	TDP 18	1 phần Khu đất dịch vụ Hòa Bình	Sau sáp nhập
Số hộ	1319		1319
Dân số	4221		4221
Diện tích (km ²)	0.022	0.044	0.066
Số đảng viên	53	0	53
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	Không	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	3	0	5

2.4. Sáp nhập TDP 7 (trừ các lôc: DV29, DV31, DV34, DV38, DV39, CL28, 30, 31, 32, 33, Nhà văn hóa thuộc Khu đất dịch vụ Hòa Bình - khu C), toàn bộ TDP 8 và toàn bộ TDP 9. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 5

Nội dung	TDP 7	TDP 8	TDP 9	Sau sáp nhập
Số hộ	518	502	189	1209
Dân số	1782	1660	652	4094
Diện tích (km ²)	0.143	0.112	0.039	0.47
Số đảng viên	38	35	8	81
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	1

Nội dung	TDP 7	TDP 8	TDP 9	Sau sáp nhập
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	2	5

2.5. Sáp nhập toàn bộ TDP 17 và toàn bộ TDP 21. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 6

Nội dung	TDP 17	TDP 21	Sau sáp nhập
Số hộ	525	1279	1804
Dân số	1660	4393	6053
Diện tích (km ²)	0.767	0.059	0.825
Số đảng viên	71	70	141
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	5

2.6. Sáp nhập toàn bộ TDP 5 và toàn bộ TDP 6. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 7

Nội dung	TDP 5	TDP 6	Sau sáp nhập
Số hộ	601	510	1111
Dân số	2101	1492	3593
Diện tích (km ²)	0.088	0.060	0.149
Số đảng viên	52	46	98
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	5

2.7. Sáp nhập toàn bộ TDP 1, toàn bộ TDP 2, toàn bộ TDP 3 và toàn bộ TDP 4. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 8

Nội dung	TDP 1	TDP 2	TDP 3	TDP 4	Sau sáp nhập
Số hộ	564	308	380	396	1648
Dân số	1826	808	1223	1467	5324
Diện tích (km ²)	0.089	0.119	0.067	0.073	0.355
Số đảng viên	42	21	34	34	131

Nội dung	TDP 1	TDP 2	TDP 3	TDP 4	Sau sáp nhập
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	0	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	2	2	5

2.8. Sáp nhập toàn bộ TDP 15 và toàn bộ TDP 16. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 9

Nội dung	TDP 15	TDP 16	Sau sáp nhập
Số hộ	647	523	1170
Dân số	2531	1748	4279
Diện tích (km ²)	0.113	0.114	0.227
Số đảng viên	45	25	70
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	5

2.9. Sáp nhập toàn bộ TDP 24, toàn bộ TDP 25 và toàn bộ TDP 26. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 11

Nội dung	TDP 24	TDP 25	TDP 26	Sau sáp nhập
Số hộ	66	394	540	1000
Dân số	215	1345	1888	3448
Diện tích (km ²)	0.139	0.120	0.149	0.408
Số đảng viên	8	24	19	51
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	5

2.10. Sáp nhập toàn bộ TDP 22, toàn bộ TDP 23 và đất dịch vụ Đồng Mai I. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 12

Nội dung	TDP 22	TDP 23	Đất dịch vụ Đồng Mai I	Sau sáp nhập
Số hộ	562	562	50	1174
Dân số	2126	2094	450	4670
Diện tích (km ²)	0.233	0.141	0.090	0.464

Nội dung	TDP 22	TDP 23	Đất dịch vụ Đồng Mai I	Sau sáp nhập
Số đảng viên	34	40	0	74
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	0	5

2.11. Sáp nhập toàn bộ TDP 27, toàn bộ TDP 28, toàn bộ TDP 29, toàn bộ TDP 30 và Đất dịch vụ khu Đồng Mai 2. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 13

Nội dung	TDP 27	TDP 28	TDP 29	TDP 30	Đất dịch vụ Đồng Mai 2	Sau sáp nhập
Số hộ	492	187	249	288	50	1266
Dân số	1516	678	906	1169	450	4719
Diện tích (km ²)	0.155	0.156	0.038	0.131	0.139	0.655
Số đảng viên	33	10	6	13	0	62
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	2	0	5

2.12. Sáp nhập toàn bộ TDP 31, toàn bộ TDP 32, toàn bộ TDP 33, toàn bộ TDP 34, toàn bộ TDP 35 và Đất dịch vụ khu Đồng Mai 3. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 14

Nội dung	TDP 31	TDP 32	TDP 33	TDP 34	TDP 35	Đất dịch vụ Đồng Mai 3	Sau sáp nhập
Số hộ	151	206	232	215	212	4	1020
Dân số	643	796	897	799	789	16	4120
Diện tích (km ²)	0.081	0.108	0.057	0.141	0.255	0.105	0.769
Số đảng viên	12	15	22	10	15	0	74
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	1	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	2	2	0	5

2.13. Sáp nhập toàn bộ TDP 36, toàn bộ TDP 37, toàn bộ TDP 38 và Đất dịch vụ khu Đồng Mai 4. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố 15

Nội dung	TDP 36	TDP 37	TDP 38	Đất dịch vụ Đồng Mai 4	Sau sáp nhập
Số hộ	210	260	235	5	710
Dân số	665	753	817	20	2255
Diện tích (km ²)	0.200	0.125	0.127	0.082	0.534
Số đảng viên	13	20	16	0	49
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	2	0	4

3. Phương án giữ nguyên: 02 tổ dân phố

3.1. Giữ nguyên toàn bộ Tổ dân phố 19. Tên gọi của Tổ dân phố sau sắp xếp: Tổ dân phố 3

Nội dung	TDP 19	Sau sáp nhập (Tổ dân phố 3)
Số hộ	1624	1624
Dân số	5684	5684
Diện tích (km ²)	0.029	0.029
Số đảng viên	33	33
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	Không	
Người hoạt động không chuyên trách	3	5

3.2. Giữ nguyên toàn bộ Tổ dân phố 14. Tên gọi của Tổ dân phố sau sắp xếp: Tổ dân phố 10

Nội dung	TDP 14	Sau sáp nhập (Tổ dân phố 10)
Số hộ	768	768
Dân số	3237	3237
Diện tích (km ²)	0.223	0.223
Số đảng viên	47	47
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	4

VII. YÊU CẦU VỀ RANH GIỚI, BẢN ĐỒ VÀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

Phương án ranh giới tổ dân phố sau sắp xếp phải thể hiện được tuyến ranh giới, mốc nhận diện, tuyến đường, ngõ, ngách, khu nhà, tòa nhà, cụm dân cư; bảo đảm không bỏ sót hộ dân, không chồng lấn địa bàn quản lý. Đối với khu chung cư, khu đô thị, cần thể hiện rõ tòa nhà, cụm nhà, ô đất, tuyến đường nội bộ, lối tiếp cận, điểm sinh hoạt cộng đồng và đầu mối quản lý dân cư.

UBND phường đã chỉ đạo cập nhật, đối chiếu dữ liệu dân cư, danh sách hộ gia đình, danh sách cử tri đại diện hộ gia đình, hồ sơ quản lý địa bàn và các dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước. Hồ sơ ranh giới phải có sơ đồ/bản đồ hiện trạng, sơ đồ/bản đồ sau sắp xếp và bảng mô tả ranh giới bằng lời để thuận tiện trong công bố, bàn giao, lưu trữ và kiểm tra.

TT	TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc	Mốc/tuyến nhận diện chính
1	Tổ dân phố 1	Giáp Tổ 2	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp xã An Khánh	Đường trục chính Tổ 12 cũ hướng về phía Bắc, lấy đường 21m kéo dài làm ranh giới
2	Tổ dân phố 2	Giáp Công viên Cây Đàn	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp Tổ 1	Đường trục chính Tổ 12 cũ hướng về phía Đê Tà Đáy
3	Tổ dân phố 3	Giáp Tổ 4	Giáp đất nông nghiệp	Giáp đường Nguyễn Trác	Giáp đường sắt	Phía Bắc đường Nguyễn Trác
4	Tổ dân phố 4	Giáp Khu đất dịch vụ Hòa Bình (Tổ 5)	Giáp Tổ 3	Giáp đường Nguyễn Trác	Giáp đường sắt	Phía Bắc đường Nguyễn Trác
5	Tổ dân phố 5	Giáp Tổ 6	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp Tổ 7	Đường sắt và đường Nguyễn Trác	Đường đê, đường Nguyễn Trác và đường sắt
6	Tổ dân phố 6	Giáp đường sắt	Vành Đai 4	Giáp Quốc Lộ 6	Giáp Tổ 5	Từ đường Vành đai 4 đến đường Quốc Lộ 5, đường sắt
7	Tổ dân phố 7	Giáp đường Vành Đai 4	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp Tổ 8	Giáp Tổ 5	Từ đường Đê Tà Đáy ra Vành Đai 4
8	Tổ dân phố 8	Giáp Vành Đai 4	Giáp Đê Tà Đáy	Giáp đất nông nghiệp Do Lộ	Giáp Tổ 7	Từ đường Đê Tà Đáy đến Vành Đai 4
9	Tổ dân phố 9	Giáp Tổ 9	Giáp sông Đáy	Giáp đất nông nghiệp Hòa Bình	Giáp sông Đáy	Từ đường Yên Bình hướng về sông Đáy
10	Tổ dân phố 10	Giáp đất nông nghiệp Nghĩa Lộ	Giáp Tổ 9	Giáp đất nông nghiệp Hòa Bình	Giáp đất nông nghiệp	Trục chính đường Yên Hòa đến đường Yên Bình

TT	TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc	Mốc/tuyến nhận diện chính
11	Tổ dân phố 11	Giáp Tổ 12	Giáp sông Đáy	Giáp Tổ 13	Giáp đất nông nghiệp	Đường Đê Tả Đáy
12	Tổ dân phố 12	Giáp đất nông nghiệp, giáp dự án Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	Giáp Tổ 11	Giáp Tổ 13	Giáp Quốc Lộ 6	Từ Quốc Lộ 6 đi xuống phía Nam
13	Tổ dân phố 13	Giáp đất nông nghiệp, giáp dự án Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	Giáp sông Đáy	Giáp Tổ 14	Giáp Tổ 11, Tổ 12	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp và Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai
14	Tổ dân phố 14	Giáp đất nông nghiệp, giáp dự án Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	Giáp sông Đáy	Giáp Tổ 15	Giáp Tổ 13	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp và Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai
15	Tổ dân phố 15	Giáp đất nông nghiệp	Giáp đất nông nghiệp	Giáp sông Đáy	Giáp Tổ 14	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp và Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai

VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với cử tri đại diện hộ gia đình tại các tổ dân phố chịu tác động trực tiếp của phương án sắp xếp, gồm: tổ dân phố dự kiến sáp nhập, đổi tên, điều chỉnh ranh giới. Nội dung lấy ý kiến gồm sự cần thiết sắp xếp; phương án sắp xếp; tên gọi; ranh giới; phương án sử dụng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; phương án kiện toàn người hoạt động không chuyên trách và các kiến nghị khác của Nhân dân.

Căn cứ tình hình thực tế, UBND phường lựa chọn hình thức tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đại diện hộ gia đình theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm xác định đúng người tham gia, tổng hợp được kết quả, lập biên bản và lưu hồ sơ đầy đủ.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;
- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;
- Danh sách cử tri đại diện hộ gia đình thuộc địa bàn chịu tác động;
- Phiếu lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình;
- Biên bản kiểm phiếu/tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;

- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;

- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

3. Mẫu tổng hợp kết quả lấy ý kiến

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
1	TDP 1	1330	1330%%	...
2	TDP 2	1213	1213%%	...
3	TDP 3	1624	1624%%	...
4	TDP 4	1319	1319%%	...
5	TDP 5	1209	1209%%	...
6	TDP 6	1804	1804%%	...
7	TDP 7	1111	1111%%	...
8	TDP 8	1648	1648%%	...
9	TDP 9	1170	1170%%	...
10	TDP 10	768	768%%	...
11	TDP 11	1000	1000%%	...
12	TDP 12	1174	1174%%	...
13	TDP 13	1266	1266%%	...
14	TDP 14	1020	1020%%	...
15	TDP 15	710	710%%	...

IX. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

1. Kiến toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể

Đảng ủy phường chỉ đạo rà soát, kiện toàn chi bộ tại các tổ dân phố sau sắp xếp; bảo đảm tổ chức đảng phù hợp với Tổ dân phố mới, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo ở cơ sở.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội rà soát, kiện toàn Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn sau sắp xếp theo quy định, phù hợp với địa bàn Tổ dân phố mới và Điều lệ của từng tổ chức.

2. Phương án người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố

Phương án nhân sự phải xử lý rõ 03 nhóm:

- Người tiếp tục bố trí sau sắp xếp;
- Người thôi tham gia do giảm đầu mối;

- Người có nguyện vọng tiếp tục tham gia nhưng không còn vị trí phù hợp.

Việc bố trí phải căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín, năng lực, kinh nghiệm, sự am hiểu địa bàn; bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy trình lựa chọn, bầu cử hoặc công nhận theo quy định. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố sau sắp xếp phải phù hợp Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

X. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động về tổ chức

Việc sắp xếp giảm số lượng 23 đầu mỗi tổ dân phố (từ 38 xuống còn 15 tổ dân phố), tương ứng giảm 23 đầu mỗi tự quản ở cộng đồng dân cư; góp phần tinh gọn tổ chức, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành của UBND phường và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn dân cư.

Thực hiện sắp xếp đồng bộ các Chi bộ Đảng, Ban Công tác Mặt trận, Chi Đoàn, Chi Hội (Phụ nữ, Cựu chiến binh, Người cao tuổi...) theo địa bàn tổ dân phố mới tạo nên hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung nguồn lực và dễ dàng phối hợp hoạt động.

Hình thành các tổ dân phố có quy mô lớn hơn (đạt chuẩn từ 700 hộ trở lên) làm tối ưu hóa không gian quản lý, phù hợp với sự phát triển của đô thị hiện đại, khắc phục tình trạng chia cắt cục bộ.

2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách

Sau sắp xếp, số người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố giảm từ 84 người xuống còn 73 người, giảm 11 người; đồng thời phải bảo đảm chế độ, chính sách, tâm tư, nguyện vọng của người không tiếp tục tham gia theo quy định.

Việc giảm số lượng chức danh người hoạt động không chuyên trách cho phép phường lựa chọn những cá nhân có năng lực, có sức khỏe, uy tín và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đảm nhiệm địa bàn quy mô lớn.

3. Tác động về ngân sách

Việc sắp xếp dự kiến phát sinh chi phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, mức phụ cấp cho mỗi cá nhân sẽ được điều chỉnh tăng lên giúp cán bộ yên tâm công tác và nâng cao trách nhiệm. Đồng thời phát sinh một số khoản chi ban đầu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân, in ấn tài liệu, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu, biên tên, cơ sở vật chất và chính sách đối với người không tiếp tục tham gia.

4. Tác động đến người dân

Việc sắp xếp tổ dân phố không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ công dân; không làm thay đổi địa giới hành chính phường;

Người dân được sinh hoạt trong cộng đồng có quy mô lớn hơn, tiềm lực mạnh hơn, giúp các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, an ninh trật tự được tổ chức chuyên nghiệp, có sức lan tỏa, huy động được nhiều nguồn lực xã hội hóa từ nhân dân.

Phát huy dân chủ: Việc tổ chức họp cư dân ở quy mô lớn (trên 700 hộ) đòi hỏi chính quyền phải đổi mới cách thức thực hiện dân chủ, giúp quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện thực chất hơn.

5. Tác động đến quản lý nhà nước

Hiệu lực điều hành: UBND phường có điều kiện quản lý địa bàn tập trung hơn, giảm đầu mối chỉ đạo, giúp việc truyền tải các văn bản, chủ trương của Đảng và Nhà nước xuống cơ sở nhanh chóng, kịp thời và thống nhất hơn; Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trở nên sâu sát và hiệu quả hơn.

Hiệu quả quản lý hành chính: Với quy mô 15 tổ, UBND phường thuận lợi trong cập nhật dữ liệu dân cư, triển khai dịch vụ công, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn một cách tập trung, khoa học.

XI. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

UBND phường xây dựng Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy phường; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND phường xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết của HĐND phường cần thể hiện rõ phạm vi quyết định đối với tổ dân phố trên địa bàn. Danh sách cụ thể tổ dân phố sau sắp xếp trình bày tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết để bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho công bố, lưu trữ và tổ chức thực hiện.

Hồ sơ trình gồm:

1. Tờ trình của UBND phường;
2. Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND phường;
4. Báo cáo tổng hợp hiện trạng tổ dân phố;
5. Danh sách tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
6. Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
7. Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;

8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
9. Văn bản của Đảng ủy phường cho ý kiến về phương án sắp xếp;
10. Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;
11. Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
12. Dự toán kinh phí thực hiện;
13. Các tài liệu khác có liên quan.

XII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/phối hợp
Rà soát, xây dựng phương án	Từ ngày 15/5 đến hết ngày 04/6/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	UBND phường; phòng Văn hóa – Xã hội và các đơn vị có liên quan
Lấy ý kiến Nhân dân	Từ ngày 10/6 đến ngày 20/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND phường; UB MTTQ; các TDP
Trình HĐND phường	Từ ngày 20/6 đến ngày 25/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND phường xem xét, quyết định	UBND phường; Văn phòng HĐND và UBND
Tổ chức thực hiện	Từ ngày 25/6 đến ngày 30/6/2026	Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND phường và các cơ quan liên quan

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề án; tổ chức rà soát hiện trạng, số liệu dân cư, số hộ, ranh giới, thiết chế văn hóa, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; chỉ đạo việc lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND phường xem xét, quyết định theo thẩm quyền; tổ chức công bố, triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua.

- Làm đầu mối tham mưu UBND phường về lĩnh vực tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố; chủ trì tổng hợp hồ sơ Đề án; tham mưu kế hoạch, tờ trình, dự thảo nghị quyết; tổng hợp số lượng tổ dân phố trước và sau sắp xếp; tham mưu phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; rà soát yếu tố lịch sử, văn

hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

2. Văn phòng HĐND và UBND phường

Tham mưu chương trình, hồ sơ trình HĐND phường; rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày tờ trình, dự thảo nghị quyết, phụ lục kèm nghị quyết; phối hợp chuẩn bị kỳ họp, công bố, lưu trữ hồ sơ, theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết sau khi được thông qua.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xác định rõ ranh giới, diện tích tổ dân phố; lập sơ đồ, bản đồ hiện trạng và phương án ranh giới của 15 Tổ dân phố mới sau sắp xếp, tránh xảy ra tranh chấp, chồng lấn.

Đánh giá sự phù hợp về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, chung cư, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu phương án quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công, thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật có liên quan sau sắp xếp.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội xử lý các thủ tục liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất tại các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng thuộc diện sáp nhập, giải thể.

4. Công an phường

Thực hiện rà soát số hộ, dân số, biến động dân cư, địa bàn quản lý, tình hình an ninh trật tự; đánh giá tác động của phương án sắp xếp đến công tác quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy, an ninh cơ sở, trật tự đô thị, trật tự công cộng; tham gia ý kiến đối với phương án ranh giới tổ dân phố sau sắp xếp.

Chủ trì, phối hợp với các tổ dân phố mới sau sắp xếp thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh thông tin về cư trú (địa chỉ tổ dân phố mới) trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho toàn bộ công dân trên địa bàn.

Chủ động xây dựng Kế hoạch, bố trí lực lượng cấp lưu động hoặc hướng dẫn người dân đình chính, thay đổi thông tin trên căn cước công dân (khi người dân có nhu cầu) một cách thuận tiện, nhanh chóng.

Nắm chắc tình hình dư luận xã hội, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh về an ninh, trật tự trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp tổ dân phố.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình; giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tổng hợp tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân để UBND phường tiếp thu, giải trình.

Chỉ đạo, hướng dẫn quy trình kiện toàn, sáp nhập và chỉ định các chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban công tác mặt trận tại 15 TDP mới đồng thời với phương án sắp xếp của chính quyền.

Tiếp nhận, tổng hợp tâm tư, nguyện vọng và ý kiến phản ánh của Nhân dân trong quá trình sắp xếp tổ dân phố để kịp thời phản ánh với Đảng ủy, UBND phường xem xét, giải quyết.

6. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao

Mở các chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng, đăng tải kịp thời, chính xác các nội dung, tiến độ thực hiện Đề án sắp xếp TDP trên hệ thống loa truyền thanh, trang thông tin điện tử của phường và các trang mạng xã hội chính thức.

Tuyên truyền các mô hình hay, cách làm sáng tạo, các tập thể, cá nhân đi đầu, gương mẫu trong việc thực hiện sắp xếp tổ dân phố để lan tỏa hiệu ứng tích cực.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội phường

Phát huy vai trò nòng cốt của hội viên, đoàn viên trong việc gương mẫu chấp hành chủ trương; tích cực tham gia tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu, đồng thuận với phương án sắp xếp.

Chủ động xây dựng phương án sắp xếp, rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy các chi hội, chi đoàn ở tổ dân phố sau sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với tổ dân phố mới sau sắp xếp.

8. Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở tổ dân phố

Phối hợp cung cấp số liệu, danh sách hộ gia đình, tình hình dân cư, cơ sở vật chất, thiết chế cộng đồng; tham gia phát phiếu lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đảm bảo công khai, đúng luật.

Tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ chủ trương, mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp; thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài liệu, công việc sau khi phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

Đối với các tổ dân phố mới sau sắp xếp: Nhanh chóng ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ dữ liệu quản lý từ các tổ cũ; Xây dựng quy chế làm việc mới; chủ động nắm bắt địa bàn, số hộ, số nhân khẩu mới; thiết lập ngay các kênh thông tin (nhóm Zalo, tổ liên gia) để duy trì hoạt động tự quản liên tục, không bị gián đoạn.

XIV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đảng ủy phường quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn;

- HĐND phường xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố trên địa bàn theo thẩm quyền;

- UBND Thành phố, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Nội vụ Thành phố;
- Thường trực ĐU, HĐND, UBND phường;
- Các Ban Đảng, UB MTTQ Việt Nam phường;
- Các Tổ chức chính trị - Xã hội phường;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Các Chi bộ, Ban Công tác MT, Tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Hoàn

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT	Định hướng
1	Tổ dân phố 1	Tổ dân phố	564	1826	0.089	Có	Không	2	Sắp xếp
2	Tổ dân phố 2	Tổ dân phố	308	808	0.119	Có	Không	3	Sắp xếp
3	Tổ dân phố 3	Tổ dân phố	380	1223	0.067	Có	Có	2	Sắp xếp
4	Tổ dân phố 4	Tổ dân phố	396	1467	0.073	Có	Không	2	Sắp xếp
5	Tổ dân phố 5	Tổ dân phố	601	2101	0.088	Có	Có	2	Sắp xếp
6	Tổ dân phố 6	Tổ dân phố	510	1492	0.060	Có	Có	2	Sắp xếp
7	Tổ dân phố 7	Tổ dân phố	518	1782	0.143	Có	Có	2	Sắp xếp
8	Tổ dân phố 8	Tổ dân phố	502	1660	0.112	Có	Có	3	Sắp xếp
9	Tổ dân phố 9	Tổ dân phố	189	652	0.039	Có	Có	2	Sắp xếp
10	Tổ dân phố 10	Tổ dân phố	415	1559	0.090	Có	Có	3	Sắp xếp
11	Tổ dân phố 11	Tổ dân phố	513	1751	0.063	Có	Có	2	Sắp xếp
12	Tổ dân phố 12	Tổ dân phố	507	1747	0.068	Có	Có	2	Sắp xếp
13	Tổ dân phố 13	Tổ dân phố	553	2239	0.223	Có	Có	2	Sắp xếp
14	Tổ dân phố 14	Tổ dân phố	768	3237	0.223	Có	Có	2	Giữ nguyên
15	Tổ dân phố 15	Tổ dân phố	647	2531	0.113	Có	Có	2	Sắp xếp
16	Tổ dân phố 16	Tổ dân phố	523	1748	0.114	Có	Có	3	Sắp xếp
17	Tổ dân phố 17	Tổ dân phố	525	1660	0.767	Có	Có	2	Sắp xếp
18	Tổ dân phố 18	Tổ dân phố	1319	4221	0.022	Có	Không	3	Sắp xếp
19	Tổ dân phố 19	Tổ dân phố	1624	5684	0.029	Có	Không	3	Giữ nguyên
20	Tổ dân phố 20	Tổ dân phố	655	2105	0.195	Có	Có	3	Sắp xếp
21	Tổ dân phố 21	Tổ dân phố	1279	4393	0.059	Có	Không	2	Sắp xếp
22	Tổ dân phố 22	Tổ dân phố	562	2126	0.233	Có	Có	2	Sắp xếp
23	Tổ dân phố 23	Tổ dân phố	562	2094	0.141	Có	Có	2	Sắp xếp
24	Tổ dân phố 24	Tổ dân phố	66	215	0.139	Có	Có	2	Sắp xếp
25	Tổ dân phố 25	Tổ dân phố	394	1345	0.120	Có	Có	2	Sắp xếp
26	Tổ dân phố 26	Tổ dân phố	540	1888	0.149	Có	Có	2	Sắp xếp
27	Tổ dân phố 27	Tổ dân phố	492	1516	0.155	Có	Có	2	Sắp xếp
28	Tổ dân phố 28	Tổ dân phố	187	678	0.156	Có	Có	2	Sắp xếp
29	Tổ dân phố 29	Tổ dân phố	249	906	0.038	Có	Không	2	Sắp xếp
30	Tổ dân phố 30	Tổ dân phố	288	1169	0.131	Có	Có	2	Sắp xếp

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT	Định hướng
31	Tổ dân phố 31	Tổ dân phố	151	643	0.081	Có	Có	2	Sắp xếp
32	Tổ dân phố 32	Tổ dân phố	206	796	0.108	Có	Có	2	Sắp xếp
33	Tổ dân phố 33	Tổ dân phố	232	897	0.057	Có	Có	2	Sắp xếp
34	Tổ dân phố 34	Tổ dân phố	215	799	0.141	Có	Có	2	Sắp xếp
35	Tổ dân phố 35	Tổ dân phố	212	789	0.255	Có	Có	2	Sắp xếp
36	Tổ dân phố 36	Tổ dân phố	210	665	0.200	Có	Có	2	Sắp xếp
37	Tổ dân phố 37	Tổ dân phố	260	753	0.125	Có	Có	3	Sắp xếp
38	Tổ dân phố 38	Tổ dân phố	235	817	0.127	Có	Có	2	Sắp xếp

PHỤ LỤC 2. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
1	Toàn bộ TDP 12, toàn bộ TDP 13 và một phần TDP 20 (Đất dịch vụ khu D + Khu biệt thự Khu đô thị Đô Nghĩa)	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 1	1330	4951	
2	Toàn bộ TDP 10, toàn bộ TDP 11 và một phần TDP 20 (Khu liền kề thuộc Khu Đô thị Đô Nghĩa)	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 2	1213	4450	
3	Toàn bộ TDP 19	Tổ dân phố	Giữ nguyên	Tổ dân phố 3	1624	5684	
4	Toàn bộ TDP 18 + 1 phần TDP 7 (Gồm các lốc thuộc Khu đất dịch vụ Hòa Bình: DV29, DV31, DV34, DV38, DV39, CL28, 30, 31, 32, 33, Nhà văn hóa Khu đất dịch vụ Hòa Bình)	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 4	1319	4221	
5	TDP 7 (trừ các lốc: DV29, DV31, DV34, DV38, DV39, CL28, 30, 31, 32, 33, Nhà văn hóa Khu đất dịch vụ Hòa Bình), toàn bộ TDP 8 và toàn bộ TDP 9	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 5	1209	4094	
6	Toàn bộ TDP 17 và toàn bộ TDP 21	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 6	1804	6053	
7	Toàn bộ TDP 5 và toàn bộ TDP 6	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 7	1111	3593	
8	Toàn bộ TDP 1, toàn bộ TDP 2, toàn bộ TDP 3 và toàn bộ TDP 4	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 8	1648	5324	
9	Toàn bộ TDP 15 và toàn bộ TDP 16	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 9	1170	4279	
10	Giữ nguyên toàn bộ TDP 14	Tổ dân phố	Giữ nguyên	Tổ dân phố 10	768	3237	
11	Toàn bộ TDP 24, toàn bộ TDP 25 và toàn bộ TDP 26	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 11	1000	3448	
12	Toàn bộ TDP 22, toàn bộ TDP 23 và Đất dịch vụ Đồng Mai 1	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 12	1174	4670	
13	Toàn bộ TDP 27, toàn bộ TDP 28, toàn bộ TDP 29, toàn bộ TDP 30 và Đất dịch vụ Đồng Mai 2	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 13	1266	4719	

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
14	Toàn bộ TDP 31, toàn bộ TDP 32, toàn bộ TDP 33, toàn bộ TDP 34, toàn bộ TDP 35 và Đất dịch vụ Đồng Mai 3	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 14	1020	4120	
15	Toàn bộ TDP 36, toàn bộ TDP 37, toàn bộ TDP 38 và Đất dịch vụ Đồng Mai 4	Tổ dân phố	Sáp nhập	Tổ dân phố 15	710	2255	

PHỤ LỤC 3.

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
Về dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn
phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Ông (bà)

Địa chỉ:phường Yên Nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 1 Điều Luật Thủ đô số 02/2026/QH16); Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

UBND phường tổ chức lấy ý kiến của cử tri đại diện hộ gia đình về dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội.

UBND phường Yên Nghĩa đề nghị ông (bà) cho ý kiến về phương án: **Sáp nhập toàn bộ TDP ..., toàn bộ TDP ... và thành tổ dân phố mới. Tên gọi của Tổ dân phố sau sáp nhập: Tổ dân phố** bằng việc đánh dấu “X” vào một trong hai ô dưới đây:

Đồng ý

Không đồng ý

Ý kiến đóng góp (nếu có):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Yên Nghĩa, ngàytháng 6 năm 2026

Cử tri đại diện hộ gia đình

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 4. BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU/TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Tên tổ dân phố/khu vực lấy ý kiến: ...

Nội dung lấy ý kiến: Phương án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Yên Nghĩa theo Đề án của UBND phường Yên Nghĩa

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số hộ thuộc diện lấy ý kiến	...	100%
2	Số hộ tham gia ý kiến%
3	Số hộ đồng ý%
4	Số hộ không đồng ý%
5	Số phiếu/ý kiến không hợp lệ hoặc ý kiến khác%

Tổ trưởng tổ công tác
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 5. BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	Ý kiến/kiến nghị	Số lượng hộ/ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình	Điều chỉnh trong Đề án
1	Có/Không
2

PHỤ LỤC 6. PHỤ LỤC RANH GIỚI/BẢN ĐỒ TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Tuyến ranh giới/mốc nhận diện	Số hộ	Dân số	Ghi chú
1	Tổ dân phố 1	Đường trục chính Tổ 12 cũ hướng về phía Bắc, lấy đường 21m kéo dài làm ranh giới	1330	4951	...
2	Tổ dân phố 2	Đường trục chính Tổ 12 cũ hướng về phía Đê Tả Đáy	1213	4450	...
3	Tổ dân phố 3	Phía Bắc đường Nguyễn Trác	1624	5684	
4	Tổ dân phố 4	Phía Bắc đường Nguyễn Trác	1319	4221	
5	Tổ dân phố 5	Đường đê, đường Nguyễn Trác và đường sắt	1209	4094	
6	Tổ dân phố 6	Từ đường Vành đai 4 đến đường Quốc Lộ 5, đường sắt	1804	6053	
7	Tổ dân phố 7	Từ đường Đê Tả Đáy ra Vành Đai 4	1111	3593	
8	Tổ dân phố 8	Từ đường Đê Tả Đáy đến Vành Đai 4	1648	5324	
9	Tổ dân phố 9	Từ đường Yên Bình hướng về sông Đáy	1170	4279	
10	Tổ dân phố 10	Trục chính đường Yên Hòa đến đường Yên Bình	768	3237	
11	Tổ dân phố 11	Quốc Lộ 6 đi xuống phía Nam, Đường Đê Tả Đáy	1000	3448	
12	Tổ dân phố 12	Quốc Lộ 6 đi xuống phía Nam	1174	4670	
13	Tổ dân phố 13	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp và Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	1266	4719	
14	Tổ dân phố 14	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp và Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	1020	4120	
15	Tổ dân phố 15	Đường Đê Tả Đáy, đất nông nghiệp	710	2255	